

Bản án số: 230/2025/HS-PT  
Ngày 10 tháng 4 năm 2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

*Các Thẩm phán :*

Ông Ngô Đức Thọ

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1162/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Trịnh Anh T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo Trịnh Anh T và Nguyễn Đức S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 515/2024/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Các bị cáo có kháng cáo:***

**1. Trịnh Anh T;** giới tính: nam; sinh ngày 24 tháng 8 năm 1991, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 5 S, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 1 L phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: không; con ông: Trịnh Văn P (sinh năm 1966) và bà Nguyễn Thị Thu N (sinh năm 1966); vợ: Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1990) và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án: không; tiền sự: 01.

- Ngày 24/11/2021, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, ngày 13/02/2023, chấp hành xong việc cai nghiện; nhân thân: năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2020;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2023 (có mặt).

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trịnh Anh T:* Bà Nguyễn Thị B - Luật sư, công tác tại Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

**2. Nguyễn Đức S;** giới tính: nam; sinh ngày 02 tháng 9 năm 1984, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: 3 L, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông: Nguyễn Đức Đ (Chết) và bà Lê Thị H (sinh năm 1961); vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984, có 01 người con (sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2023(có mặt).

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Đức S:* Bà Nguyễn Thị B - Luật sư, công tác tại Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 19 giờ 35 phút ngày 23/8/2023, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện B phối hợp Công an xã V, huyện B tuần tra. Khi đến trước nhà số B Ấp B, xã V, huyện B phát thì hiện Nguyễn Đăng K điều khiển xe gắn máy biển số 59G2-269.92 chở Hoàng Khả D có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe. Qua kiểm tra, phát hiện Khoa cất giữ 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 62,3007g Methamphetamine. K khai số ma túy thu giữ do Trịnh Anh T đưa cho K đem đi bán nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với K cùng vật chứng.

Đến 22 giờ 45 phút ngày 23/8/2023 tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Anh T tại nhà số A L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an thu giữ: 03 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn có khối lượng 225,83g Methamphetamine. Tại thời điểm khám xét có mặt Phạm Minh T6 và Dương Huỳnh P1 nên đưa tất cả về trụ sở làm rõ. Tại Cơ quan điều tra, T khai số ma túy bị thu giữ mua của Nguyễn Đức S.

Lúc 01 giờ 30 phút ngày 24/8/2023, Công an khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Đức S tại phòng không số (kế phòng 202) nhà trọ số C L, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ: 02 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn có khối lượng 511,75g Methamphetamine và một số vật chứng khác.

Tiến hành mở rộng điều tra, vào lúc 12 giờ 45 phút ngày 26/8/2023, Công an khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn Đ1 tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Qua khám xét, thu giữ 01 điện thoại di động hiệu OPPO và đưa Đ1 về trụ sở Công an huyện B làm rõ. Đ1 khai nhận vào các ngày 18/8/2023, 22/8/2023, Đ1 đặt mua 30g ma túy của T và chuyển khoản tiền mua ma túy cho T.

Tiếp tục truy xét, ngày 28/8/2023, Công an khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Hồng Q tại nhà số B, đường C, Phường A, Thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, thu giữ: 02 thẻ ngân hàng mang tên Phan Hồng Q; 03 thẻ ngân hàng S1 mang tên HUYNH

NGOC GIAU; NGUYEN THI LOI và LE THI MY; 01 điện thoại di động hiệu Samsung và đưa Q về Công an huyện B làm rõ. Quy thừa nhận các ngày 16/8/2023, 18/8/2023 và 22/8/2023, Q đặt mua ma túy của T và chuyển khoản tiền mua ma túy cho T. Số ma túy Q mua về vừa sử dụng, vừa bán lại cho khách kiếm lời.

Toàn bộ số ma túy bị thu giữ được đưa đi giám định tại Kết luận giám định số 9388/KL-KTHS ngày 29/8/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố H (Bút lục 240-241).

*Kết quả điều tra xác định:*

Trịnh Anh T khai nhận: quen biết với Nguyễn Đăng K, Phạm Minh T6 khoảng đầu năm 2022 tại Trại cai nghiện và nói sau khi chấp hành xong, T sẽ tìm thuê địa điểm hoạt động mua bán trái phép chất ma túy và thông báo cho K, T6 biết để tham gia. Khoảng tháng 3/2023, T trở về địa phương và quen với Dương Huỳnh P1, T nhờ P1 tìm thuê địa điểm tại khu vực quận B để mua bán trái phép chất ma túy, P1 đồng ý và thuê nhà số A L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. T sắp xếp cho P1 phòng ngủ riêng tại lầu 2. Sau đó, biết K cai nghiện xong nên đã liên hệ và cho K ở tại phòng ngủ lầu 1 đối diện phòng ngủ của T. Tháng 7/2023, T mua ma túy của người phụ nữ tên L (không rõ lai lịch, gọi là Linh Bà H2) để bán cho người nghiện tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh với khối lượng từ 5g đến 20g ma túy với giá từ 1.600.000 đồng đến 6.400.000 đồng đem về phòng ngủ cất giấu và tự phân chia khối lượng từ 0,6g đến 2,5g để bán ra với giá từ 400.000 đồng đến 1.100.000 đồng. T thanh toán cho Linh Bà H2 bằng cách trả tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản tên PHAM THI MY LINH thuộc Ngân hàng S1. Khách mua ma túy sẽ thanh toán cho T bằng cách chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng T8 của T, các lần giao ma túy cho khách, T đều nói K đi giao và trả tiền công từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng. Khoảng cuối tháng 07/2023, T báo cho T6 biết đã thuê được nhà số A L và bố trí cho T6 đến ở chung với K. T lập nhóm Z “nhà mình” để các thành viên T6, K, P1 cùng quản lý căn nhà và cảnh giác Công an. Đầu tháng 08/2023, do thấy ma túy của Linh Bà H2 kém chất lượng nên T đã liên hệ với Nguyễn Đức S đặt mua ma túy được 03 lần về phân chia bán lại cho khách tại Thành phố Hồ Chí Minh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, cụ thể:

Khoảng đầu tháng 08/2023, T đặt mua của S 300g ma túy với giá 26.000.000 đồng/100g và vài ngày sau, T tiếp tục đặt mua 200g ma túy, lần này S bán 27.000.000 đồng/100g. Hai lần này, T đã thanh toán cho S tổng cộng 132.000.000 đồng. Khi mua được ma túy, T tự phân chia rồi yêu cầu K hoặc T6 đem ma túy đi giao cho khách. T chỉ nhớ đã bán cho L Bà Hom 100g ma túy với giá 27.500.000 đồng và ngày 12/8/2023, Linh Bà H2 đã chuyển khoản số tiền trên. Cũng trong 02 lần mua này, T đã yêu cầu T6 đi giao ma túy cho Q và Đ1 vào các ngày 16, 18, 22/8/2023 và được Q, Đ1 chuyển khoản tiền mua ma túy cho T. Ngoài ra, T còn bán cho 01 người phụ nữ tên L (là khách mua cũ của T) tại khu V, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi là Linh Kênh A) vào ngày 17/8/2023 (với số lượng 5g ma túy) và ngày 20/8/2023 (là 7g ma túy) và K là người đi giao ma túy cho T. L đã chuyển khoản tiền mua ma túy cho T qua ngân hàng T8.

Khoảng ngày 23/8/2023, Linh Bà H2 gọi điện cho T đặt mua 500g ma túy, T đồng ý và báo giá bán 142.000.000 đồng/500g, Linh Bà H2 đồng ý và chuyển khoản 142.000.000 đồng cho T. Tuy nhiên, sau đó Linh Bà H2 đổi ý, chỉ đặt mua 200g ma túy với giá 54.000.000 đồng và yêu cầu T chuyển lại số tiền 88.000.000 đồng. Cùng ngày, T liên hệ với S đặt mua 500g ma túy với giá 135.000.000 đồng và yêu cầu S phân chia 500g ma túy thành 03 gói (trong đó, 02 gói thì mỗi gói có khối lượng 200g và 01 gói còn lại có khối lượng 100g). Thỏa thuận xong, T chuyển khoản cho S 02 lần với số tiền 47.000.000 đồng, số tiền còn lại khi khách chuyển trả thì T sẽ trả cho S sau. Sau khi nhận ma túy, T về đến đầu hẻm thấy Linh Bà H2 đứng chờ sẵn nên đưa cho L Bà Hom 01 gói ma túy có khối lượng 200g và đem 02 gói ma túy còn lại vào phòng ngủ của T cất giấu, đến khoảng 19 giờ ngày 23/8/2023, L Kênh A liên hệ với T qua mua 65g ma túy với giá 22.100.000 đồng. T đồng ý và yêu cầu K đem đi giao cho Linh Kênh A thì bị Công an phát hiện bắt giữ như trên.

Nguyễn Đăng K khai nhận phù hợp với lời khai của T. Từ đầu tháng 07/2023 cho đến ngày bị bắt (23/8/2023), K đã nhiều lần đem ma túy đi giao cho khách nhưng không nhớ cụ thể, chỉ nhớ 03 lần cuối K đều đi giao ma túy cho L Kênh A vào các ngày 17/8/2023 (5g ma túy đá), 20/8/2023 (7g ma túy đá). Tiếp tục, ngày 23/8/2023, khi được T yêu cầu đem 65g ma túy đi giao cho L Kênh A thì K đồng ý và rủ Hoàng Khả D (là bạn gái K) đi cùng, khi đến trước nhà số B Ấp B, xã V, huyện B, K và D bị Công an kiểm tra, thu giữ số ma túy như nêu trên.

Phạm Minh T6 khai nhận phù hợp với lời khai của Trịnh Anh T và Nguyễn Đăng K. Từ ngày 16/8/2023 cho đến ngày 22/8/2023, T6 bắt đầu nhận ma túy từ T để giao cho Phan Hồng Q được 03 lần và giao cho Nguyễn Văn Đ1 được 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ 01: ngày 16/8/2023, T yêu cầu T6 đem 15g ma túy xuống tỉnh Sóc Trăng giao cho Phan Hồng Q, T6 đồng ý và nhận 1.000.000 đồng từ T. Sau đó, T6 được Q đón bằng xe gắn máy từ bến xe N về chỗ ở của Q. Tại nhà Q, T6 giao cho Q 15g ma túy. Lần giao này T6 được T trả thêm 1.000.000 đồng tiền mặt.

- Lần thứ 02: vào ngày 18/8/2023, T nói T6 đem 20g ma túy giao cho Q và 30g ma túy xuống tỉnh Bạc Liêu giao cho Đ1. T đưa cho T6 1.000.000 đồng và thông báo cho T6 biết T đã gọi điện nhờ Q chở T6 đến nhà Đ1 giao ma túy. Khi đến nơi, T6 giao 30g ma túy cho Đ1 nhưng do không đủ tiền nên Đ1 gọi cho T biết Đ1 chỉ đủ 11.250.000 đồng để lấy 25g ma túy thì T đồng ý bán rồi yêu cầu Đ1 thanh toán số tiền còn lại cho T. Đ1 chuyển 1.000.000 đồng qua tài khoản cho T và đưa thêm cho T6 1.250.000 đồng. Sau khi cân đủ 25g ma túy, số ma túy còn lại Đ1 đưa cho T6. Đồng thời, Đ1 đưa 25g ma túy vừa mua cho V (là người mua ma túy của Đ1 cũng có mặt tại đây); Giao ma túy cho Đ1 xong, Q chở T6 về nhà Q tại tỉnh Sóc Trăng. Tại đây, T6 giao 20g ma túy cho Q. Khi về đến chỗ ở tại Thành phố Hồ Chí Minh, T6 đưa cho T 5g ma túy (số ma túy này, T đã bán ra cho khách) và đưa cho T 1.250.000 đồng thì T cho T6 1.000.000 đồng tiền công.

- Lần thứ 03: ngày 22/8/2023, T nói T6 đem 20g ma túy giao cho Q và 30g giao cho Đ1, T6 đồng ý rồi nhận 1.000.000 đồng từ T. Khi đến bến xe N, Q chở T6

về nhà Q và T6 giao 15g ma túy cho Q, Q thanh toán tổng số tiền 3.000.000 đồng. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T6 thấy Đ1 chở V (là người mua ma túy lần trước) đến nhà Q, tại đây, Đ1 đưa thêm cho T6 300.000 đồng tiền mặt còn thiếu trước đó. Lúc về T trả thêm cho T6 1.000.000 đồng tiền công.

Dương Huỳnh P1 khai nhận phù hợp với lời khai của Trịnh Anh T, Nguyễn Đăng K, Phạm Minh T6. Khoảng tháng 6/2023, P1 đứng ra thuê nhà giúp T tại địa chỉ 1 L 5-6, phường B, quận B để làm nơi hoạt động mua bán ma túy và được T sắp xếp ngủ tại lầu 2. P1 biết K, T6 cũng phụ giúp T giao ma túy cho khách. Riêng P1 được T phân công dọn dẹp nhà cửa; lo ăn uống cho mọi người và hàng tháng trả tiền thuê nhà, tiền điện, nước. T trả công cho P1 mỗi tuần một lần từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Nguyễn Đức S khai nhận phù hợp với Trịnh Anh T: thông qua ứng dụng Telegram Sơn quen biết với Trịnh Anh T qua hội nhóm kín. Khoảng đầu tháng 08/2023, khi T liên hệ mua ma túy, S nảy sinh ý định mua ma túy của T2, T3, P2 (đều không rõ lai lịch) S quen trước đó. Khi T đặt mua 300g ma túy, S đã đặt mua của T2 với giá 75.000.000 đồng/300g, sau đó bán cho T với giá 78.000.000 đồng/300g. Khoảng vài ngày sau, T mua 200g ma túy, S đã đặt mua của T3 với giá 52.000.000 đồng/200g và bán cho T với giá 54.000.000 đồng/200g. Hai lần mua này, T trả cho S tổng cộng 132.000.000 đồng. Ngày 22/8/2023, S đặt mua của P2 01kg ma túy và hẹn giao tại khu vực bến xe A. Khi nhận được ma túy, S mang về chỗ ở tại phòng không số (kế Phòng 202), nhà trọ số C L, Phường I, quận G cất giấu. Ngày 23/8/2023, T liên hệ đặt mua 500g ma túy, S báo giá 135.000.000 đồng/500g, T đồng ý và chuyển khoản cho S 47.000.000 đồng, số tiền còn lại, khi khách trả T sẽ chuyển trả cho S sau, Sau khi giao ma túy cho T, đến ngày 24/8/2023, S bị Công an khám xét, thu giữ số ma túy còn lại như đã nêu trên.

Phan Hồng Q khai nhận phù hợp lời khai của Trịnh Anh T và Phạm Minh T6 về 03 lần mua ma túy vào các ngày 16/8/2023, 18/8/2023, 22/8/2023 cùng với 02 lần T nhờ Q chở T6 xuống chỗ ở của Đ1 để giao 30g ma túy cho Đ1 vào ngày 18/8/2023 và ngày 22/8/2023, Q cho T6 mượn nhà để T6 giao 30g ma túy cho Đ1. Số ma túy Q mua vào ngày 16/8/2023 thì Q đã sử dụng hết. Ngày 18/8/2023, khi mua được 20g ma túy, Q đã sử dụng hết 10g, còn lại 10g Q bán 05g cho 01 người phụ nữ tên M (không rõ lai lịch) với giá 2.000.000 đồng và bán 05g cho Lương Minh T4 (không rõ lai lịch) với giá 2.800.000 đồng, thu lợi 800.000 đồng. Ngày 22/8/2023, Q đặt mua 15g ma túy, Q sử dụng hết 10g, còn 5g Q bán cho M1 (không rõ lai lịch) với giá 3.000.000 đồng, thu lợi 1.000.000 đồng. Ngày 23/8/2023, Q tiếp tục đặt mua của T 5g ma túy để sử dụng nhưng chưa chuyển tiền và nhận ma túy thì bị Công an bắt.

Nguyễn Văn Đ1 khai nhận phù hợp với lời khai của T, T4 và Q: Năm 2019, Đ1 bị bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Khi ra trại, do bản thân không có nghề nghiệp nên khi được người đàn ông tên V (không rõ lai lịch) nhờ Đ1 đặt mua dùm ma túy sẽ được trả công bằng ma túy, Đ1 đồng ý. Do biết T bán ma túy nên Đ1 đã 03 lần mua ma túy về bán cho V vào ngày 18/8/2023, Đ1 mua 30g của T nhưng chỉ lấy 25g ma túy giao lại cho V. Tiếp tục đến ngày 22/8/2023,

Đ1 mua 30g ma túy để giao cho V. Các lần mua ma túy này, Đ1 thanh toán bằng chuyển khoản cho T. Lần cuối, khi được V yêu cầu đặt mua cho V 30g ma túy, Đ1 đã liên hệ với T đặt mua 30g ma túy và chuyển khoản đặt cọc 2.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng M3 cho T, tuy nhiên, T chưa giao 30g ma túy cho Đ1 thì bị bắt giữ như đã nêu trên.

Đối với Hoàng Khả D là bạn gái của Nguyễn Đăng K không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của K nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xem xét xử lý.

*Vật chứng vụ án đang tạm giữ:*

+ *Thu giữ của* Trịnh Anh T: 01 hộp giấy được niêm phong bên ngoài ghi số 9388/(1875/23)G2 có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Anh T5 (PC09) và Phạm Huỳnh Minh T6 (Điều tra viên), bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA và 01 điện thoại di động hiệu Redmi; 02 cân điện tử; 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; trong đó, 01 bộ dụng cụ không có nỏ thủy tinh (đã bị hư); 01 kéo bằng kim loại; 01 muỗng nhựa; 20 gói nylon chưa qua sử dụng;

+ *Thu giữ của* Nguyễn Đăng K: 01 gói được niêm phong bên ngoài ghi số 9388/(1875/23)G1 có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Anh T5 (PC09) và Phạm Huỳnh Minh T6 (Điều tra viên), bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 điện thoại di động hiệu SamSung; 01 xe gắn máy biển số 59G2-269.92. Qua xác minh được biết anh Đỗ Thành T7 đứng tên đăng ký. Anh T7 khai sau khi mua xe vào năm 2017 thì đến năm 2021, anh đã bán chiếc xe này cho một người không rõ lai lịch. Nguyễn Đăng K khai: năm 2023, K mua chiếc xe trên của 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) tại khu vực Quận A và dùng làm phương tiện đi lại và giao ma túy cho khách.

+ *Thu giữ của* Nguyễn Đức S: 01 hộp giấy được niêm phong bên ngoài ghi số 9388/(1875/23)G3 có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Anh T5 (PC09) và Phạm Huỳnh Minh T6 (Điều tra viên), bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 điện thoại di động hiệu SamSung màu đen; 01 cân điện tử màu đen; 01 muỗng nhựa; 01 dụng cụ xúc ma túy; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

+ *Thu giữ của* Phạm Minh T6: 01 điện thoại di động hiệu OPPO;

+ *Thu giữ của* Dương Huỳnh P1: 01 điện thoại di động hiệu IPHONE;

+ *Thu giữ của* Nguyễn Văn Đ1: 01 điện thoại di động hiệu OPPO;

+ *Thu giữ của* Phan Hồng Q: 01 điện thoại di động hiệu SamSung; 03 thẻ ngân hàng S1, ngân hàng W và ngân hàng T9 đều mang tên PHAN HONG QUY; 01 thẻ ngân hàng mang tên HUYNH NGOC GIAU và 01 thẻ ngân hàng mang tên NGUYEN THI LOI; 01 thẻ ngân hàng mang tên LE THI MY;

*Tại Cáo trạng số 651/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 09/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:*

- Các bị cáo Trịnh Anh T, Nguyễn Đức S, Phạm Minh T6, Dương Huỳnh P1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Văn Đ1, Phan Hồng Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 515/2024/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Anh T Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức S Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, sung ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Phạm Minh T6, Dương Huỳnh P1, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Đăng K, Phan Hồng Q và quyết định các vấn đề về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, bị cáo Trịnh Anh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, bị cáo Nguyễn Đức S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Anh T và bị cáo Nguyễn Đức S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Trịnh Anh T bày nội dung kháng cáo : Bị cáo đồng ý với bản án sơ thẩm về tội danh và khung hình phạt như bản án sơ thẩm đã xét xử. Tuy nhiên, mức án tử hình là quá nghiêm khắc đối với bị cáo. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như gia đình có công với Cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có khối u trong đầu. Đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống mức án chung thân.

- Bị cáo Nguyễn Đức S trình bày nội dung kháng cáo: Bị cáo cũng đồng ý với bản án sơ thẩm về tội danh và khung hình phạt như bản án sơ thẩm đã xét xử. Tuy nhiên, mức án tử hình là quá nặng đối với hành vi của bị cáo. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo thành khẩn khai báo, có hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống mức án chung thân..

*Tại phần tranh luận:*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Bị cáo Trịnh Anh T và bị cáo Nguyễn Đức S đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan sai. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy ở thể rắn là 1000 gam, loại Methamphetamine. Bị cáo S phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy mua bán trái phép ở thể rắn là 1.511,75gam, loại Methamphetamine. Bản án sơ thẩm đã xử phạt hai bị cáo mức án tử hình là đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của hai bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T và S không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Anh T và bị cáo Nguyễn Đức S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo Trịnh Anh T tranh luận:* Thống nhất với bản án sơ thẩm và đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo T bị bệnh hiểm nghèo; có con còn nhỏ; bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với Cách M2. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức S tranh luận:* Đồng ý với bản án sơ thẩm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo S lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo; bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã phát biểu, không đối đáp gì thêm.

- Bị cáo T và bị cáo S nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trịnh Anh T và Nguyễn Đức S nộp trong hạn luật định, đủ điều kiện thụ lý, xét xử theo thủ tục phúc thẩm, quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Anh T và Nguyễn Đức S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của Cáo trạng đã truy tố và Bản án sơ

thẩm đã xét xử; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định như sau: Vì mục đích vụ lợi, các bị cáo Trịnh Anh T, Nguyễn Đức S, Phạm Minh T6, Dương Huỳnh P1, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Văn Đ1, Phan Hồng Q đã thực hiện hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” nhiều lần; đã bị Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện B phối hợp Công an xã V, huyện B phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng và thu giữ khi khám xét nơi ở của Trịnh Anh T và thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Đức S.

[2.2] Kết quả điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm xác định từng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy vi phạm, cụ thể sau:

- Trịnh Anh T phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy ở thể rắn là 1000gam, loại Methamphetamine do T mua của Nguyễn Đức S 03 lần để phân nhỏ bán lại (trong đó có 285,1307 gam thu giữ khi bắt quả tang K và khám xét nơi ở của T).

- Nguyễn Đức S phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy ở thể rắn là 1.511,75gam, loại Methamphetamine (trong đó có 511,75gam thu giữ khi khám xét nơi ở; số còn lại đã bán cho T 03 lần phù hợp lời khai của T).

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trịnh Anh T và Nguyễn Đức S cũng hoàn toàn thừa nhận khối lượng ma túy các bị cáo mua bán trái phép như Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận nêu trên là đúng.

[2.3] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo Trịnh Anh T, Nguyễn Đức S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo qui định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan, sai.

[2.4] Xét kháng cáo của các bị cáo Trịnh Anh T, Nguyễn Đức S xin giảm nhẹ hình phạt từ tử hình xuống chung thân, thấy rằng:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất đặc biệt nghiêm trọng về hành vi phạm tội của các bị cáo; xem xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án; xem xét nhân thân, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo được quy định tại Điều 51, Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy ở thể rắn là 1000 gam, loại Methamphetamine; bị cáo S phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy mua bán trái phép ở thể rắn là 1.511,75gam, loại Methamphetamine. Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T và bị cáo S mức án tử hình là đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của hai bị cáo.

[3] Tại cấp phúc thẩm các bị cáo Trịnh Anh T, Nguyễn Đức S không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và đề nghị của Luật sư bào

chữa cho các bị cáo. Cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo Trịnh Anh T, Nguyễn Đức S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trịnh Anh T và bị cáo Nguyễn Đức S, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 515/2024/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Anh T, Nguyễn Đức S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Anh T tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức S tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, sung ngân sách nhà nước.

1.2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Trịnh Anh T, Nguyễn Đức S có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước xin ân giảm án tử hình.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Trịnh Anh T, Nguyễn Đức S phải chịu mỗi người 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (1);
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Sở tư pháp Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Trại tạm giam T30 Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo (1); Người bào chữa;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hoa**